

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC KHOẢN THU TỪ NGUỒN THU HỢP  
PHÁP NĂM HỌC 2024-2025 CỦA TRƯỜNG THPT  
PHAN BỘI CHÂU**

Căn cứ nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 318/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 về quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ công văn số 1297/SGDĐT-KHTC ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Sở giáo dục và đào tạo Lâm Đồng về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu từ các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo năm học 2023-2024;

Căn cứ công văn 1130/BHXH-QLTST ngày 25/7/2024 của BHXH tỉnh Lâm Đồng v/v hướng dẫn thực hiện BHYT học sinh, sinh viên năm học 2024-2025;

Căn cứ quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng

Trường THPT Phan Bội Châu hướng dẫn thực hiện các khoản thu từ nguồn thu hợp pháp năm học 2024-2025

**I. Các khoản thu theo văn bản quy định**

**1. Thu Học phí**

- Đối với học sinh phải nộp học phí thu theo điều 2 NQ 318/2024/HĐND ngày 12/7/2024 : 56.000đ/tháng

**Điều 14. Đối tượng không phải đóng học phí ( NĐ 81/2021/NĐCP)**

- Học sinh tiểu học trường công lập.
- Người theo học các ngành chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Giáo dục đại học. Các ngành chuyên môn đặc thù do Thủ tướng Chính phủ quy định.

## **Điều 15. Đối tượng được miễn học phí (( NĐ 81/2021/NĐCP)**

1. Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên khuyết tật.

3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng và người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Trẻ em mầm non 05 tuổi ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

6. Trẻ em mầm non 05 tuổi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều này được miễn học phí từ năm học 2024 - 2025 (được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2024).

7. Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên

## **Điều 16. Đối tượng được giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí (NĐ 81/2021/NĐCP)**

1. Các đối tượng được giảm 70% học phí gồm:

a) Học sinh, sinh viên học các ngành nghệ thuật truyền thống và đặc thù trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập, tư thục có đào tạo về văn hóa - nghệ thuật bao gồm: Nhạc công kịch hát dân tộc, nhạc công truyền thống Huế, đờn ca tài tử Nam Bộ, diễn viên sân khấu kịch hát, nghệ thuật biểu diễn dân ca, nghệ thuật ca trù, nghệ thuật bài chòi, biểu diễn nhạc cụ truyền thống;

b) Học sinh, sinh viên học các chuyên ngành nhã nhạc cung đình, chèo, tuồng, cải lương, múa, xiếc; một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với giáo dục nghề nghiệp theo danh mục các nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

c) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

\* Đối với đối tượng giảm 70% học phí : 16.800đ/tháng

2. Các đối tượng được giảm 50% học phí gồm:

a) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;

b) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Đối tượng được hỗ trợ tiền đóng học phí: Học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục tư thục ở địa bàn không đủ trường công lập được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí.

\* Đối với đối tượng giảm 50% học phí : 28.000đ/tháng

### **Điều 18. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập (NĐ 81/2021/NĐCP)**

1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ.

2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông bị khuyết tật.

3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

1. Hồ sơ:

a) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí:

- Đối với các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí học mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên: Mẫu đơn theo Phụ lục II; các đối tượng học sinh tiểu học tư thục được hỗ trợ tiền đóng học phí: Mẫu đơn theo Phụ lục VI;

- Đối với các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập học mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên: Mẫu đơn theo Phụ lục III;

- Đối với các đối tượng thuộc diện miễn, giảm học phí ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập: Mẫu theo Phụ lục V; đối với các đối tượng thuộc diện miễn, giảm học phí ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tư thục: Mẫu theo Phụ lục VII.

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với các đối tượng sau:

- Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này;

- Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này;

- Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định này;

- Giấy xác nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định này;

- Giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí theo quy định tại Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và văn bản hướng dẫn của Bộ Quốc phòng đối với đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 15 Nghị định này;

- Giấy khai sinh và giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại khoản 12 Điều 15 Nghị định này;

- Giấy khai sinh và sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc) đối với đối tượng được quy định tại khoản 5, khoản 8, khoản 15 Điều 15 và điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 16 Nghị định này. Kể từ năm học 2024 - 2025 (từ ngày 01 tháng 9 năm 2024) đối tượng quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 15 Nghị định này và kể từ năm học 2025 - 2026 (từ ngày 01 tháng 9 năm 2025) đối tượng quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 15 Nghị định này chỉ phải nộp giấy khai sinh;

- Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy xác nhận tốt nghiệp tạm thời đối với đối tượng được quy định tại khoản 17 Điều 15 Nghị định này;

- Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối với đối tượng được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định này;

- Giấy xác nhận hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định này.

c) Đối với trẻ em mầm non và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông vừa thuộc diện được miễn, giảm học phí vừa thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập, chỉ phải làm 02 bộ hồ sơ các giấy tờ liên quan nói trên kèm đơn theo mẫu (Phụ lục IV) của Nghị định này.

d) Người học thuộc diện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 02 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người học thuộc

diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo.

đ) Trường hợp học sinh, sinh viên có thể căn cước công dân và được cấp mã số định danh cá nhân, thông tin về nơi thường trú có thể khai thác từ việc kết nối và chia sẻ dữ liệu về dân cư với các cơ sở giáo dục đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Tài chính, Sở Tài chính, thì cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em, học sinh, sinh viên không phải nộp “Giấy khai sinh” và “Sổ hộ khẩu thường trú”.

## **2/ Thu BHYT năm học 2024-2025**

Thực hiện theo công văn 1130/BHXH-QLTST ngày 25/7/2024 của BHXH tỉnh Lâm Đồng v/v hướng dẫn thực hiện BHYT học sinh, sinh viên năm học 2024-2025;

### **1. Đối tượng tham gia BHYT :**

- Toàn bộ học sinh, sinh viên (ngoại trừ những HSSV đã tham gia BHYT theo các nhóm đối tượng khác theo quy định của Luật BHYT) đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (sau đây gọi tắt là Nhà trường) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đều là đối tượng có trách nhiệm tham gia BHYT

#### **a) Đối với học sinh lớp 12 :**

- Mức đóng : **663.390** đồng/năm học
- Thời hạn thẻ 09 tháng từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/9/2025

#### **b) Đối với học sinh lớp 10,11 :**

- Mức đóng : **884.520** đồng/năm
- Thời hạn sử dụng thẻ 12 tháng từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025
- Đối với những học sinh có thẻ BHYT hết hạn sử dụng vào các tháng trong năm 2024 hoặc chưa tham gia BHYT trước đó thì vẫn tiếp tục thu cho những tháng còn lại của năm 2024.

### **2. Đối tượng được miễn BHYT**

- Trẻ em dưới 6 tuổi, HSSV thuộc hộ gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình là người dân tộc thiểu số đang sinh sống ở những xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, **học sinh dân tộc thiểu số không sống trong vùng kinh tế-xã hội khó khăn** ( đã được cấp thẻ BHYT theo địa bàn dân cư); HSSV là con sỹ quan quân đội, công an, nghĩa vụ quân sự và cơ yếu đang tại ngũ, lưu học sinh nước ngoài đang học tập tại Việt Nam, HSSV học tại các Trường phổ thông dân tộc nội trú (cấp thẻ theo đơn vị quản lý).

### **3/ Thu dạy thêm học thêm:**



- Thực hiện theo quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng : Tiên dạy thêm học thêm được thực hiện khi kế hoạch dạy thêm học thêm được cấp trên phê duyệt.

## II/Tổ chức thực hiện

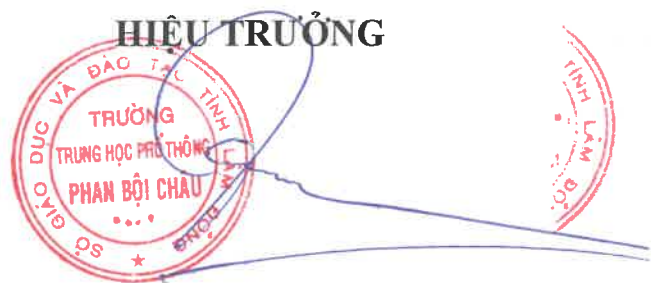
- Những học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo chỉ miễn giảm học phí theo từng học kỳ, không xét cho cả năm học (trừ trường hợp học sinh đó được cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo của năm tài chính thì tiếp tục được xét duyệt và miễn giảm cho học kỳ tiếp theo.) Ví dụ học kỳ I năm học 2024-2025 (4 tháng) học sinh có sổ hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 thì chỉ miễn, giảm cho 4 tháng. Nếu qua học kỳ II năm học 2024-2025 (5 tháng) nếu học sinh vẫn thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 thì nộp bổ sung sổ và tiếp tục giảm cho 5 tháng còn lại, nếu không còn diện miễn giảm thì không xét duyệt mà vẫn phải đóng học phí theo quy định.
- Đối với học sinh người kinh ở khu vực khó khăn thì làm đơn hỗ trợ chi phí học tập và vẫn phải đóng học phí theo quy định. Những thôn khó khăn theo bảng dưới đây.

VI	HUYỆN DI LINH	Xã	KV	Thôn ĐBKK
		<b>Đình Trang Thượng</b>	II	
				Thôn 2
				Thôn 5
		<b>Xã Bảo Thuận</b>	II	
				Thôn: Kala Krọt, Ta Ly, Bảo Thuận
		<b>Sơn Điền</b>	II	
				Thôn: Jang Par, Ka Liêng, Con Sỏ
		<b>Xã Gia Bắc</b>	II	
				Bộ Bê, Hà Giang, Ka Sá; Nao Sẻ

- Thời gian nộp hồ sơ miễn giảm học phí, hỗ trợ CPHT từ ngày 15 tháng 09 năm 2024 đến ngày 15 tháng 10 năm 2024 quá thời hạn trên nhà trường sẽ không giải quyết./.
- Phương án nộp tiền : Nhà trường sẽ tạo cho mỗi học sinh 1 mã số để vào nộp tiền mã số này được tạo trên phần mềm khoản thu MISAEMIS và sẽ gửi vào nhóm giáo viên chủ nhiệm để thông báo cho từng học sinh của lớp mình vào nộp tiền. Đầu mỗi tháng nhà trường sẽ mở app để học sinh vào nộp tiền.-
- GVCN không được thu tiền mặt để nộp cho thủ quỹ ,đồng thời GVCN không được dùng điện thoại thông minh có cài đặt app của ngân hàng để chuyển khoản cho từng học sinh của lớp mình vì đây là quy định của cấp trên việc thực hiện này sẽ được đơn vị cấp trên kiểm tra hàng năm nên học sinh và phụ huynh phải tự mình chuyển khoản trực tiếp hoặc ra quầy ngân hàng để đóng tiền.-
- Trên đây là hướng dẫn các khoản thu năm học 2024-2025 yêu cầu toàn thể CB-GV-NV và học sinh nghiêm túc thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- 33 GVCN
- Lưu: VT, KT



**Nguyễn Văn Dũng**

